FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (HSX: AGM)

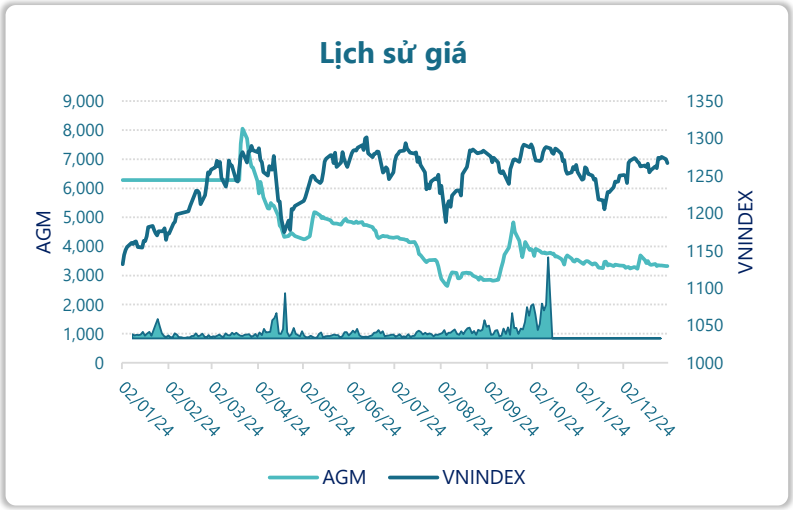

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,320**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,640
SL cổ phiếu LH	18,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	183,470
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
P/E	-0.2
EPS	-13,813

DT thuần

Q4/24

31.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.8| -47.2%

YoY: ▼212| -87.2%

LN sau thuế

Q4/24

-140

tỷ VNĐ

QoQ: ▼127| -951%

YoY: ▲ 18.0| 11.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-65.9%

+/- YoY: ▼ 52.0%

DT thuần

2024

241

tỷ VNĐ

YoY: ▼547| -69.4%

LN sau thuế

2024

-251

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.0| -13.8%

ROE

2024

235%

+/- YoY: ▲ 372%

Kết quả kinh doanh

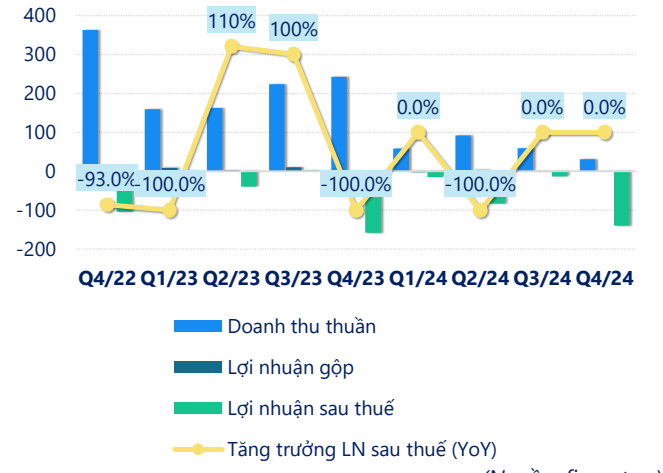

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

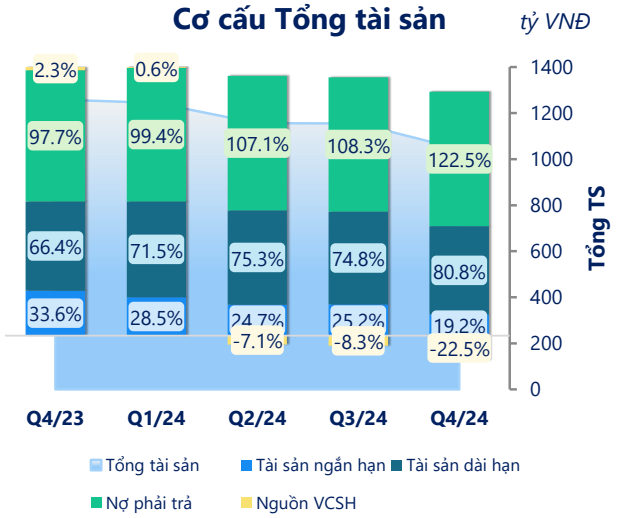

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

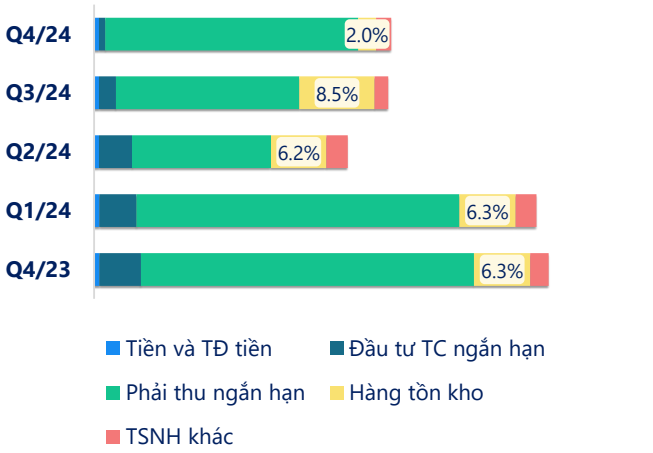

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

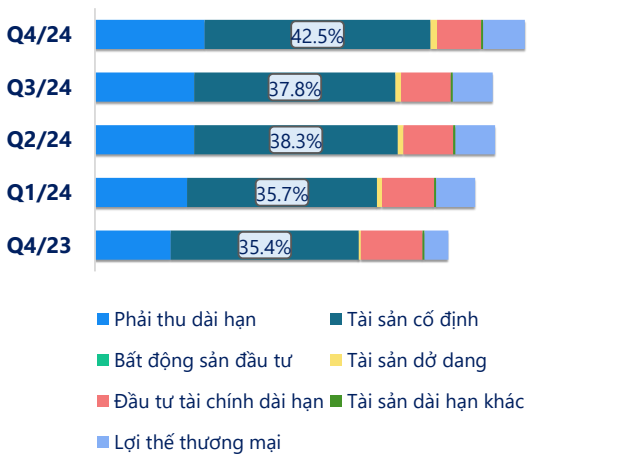

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

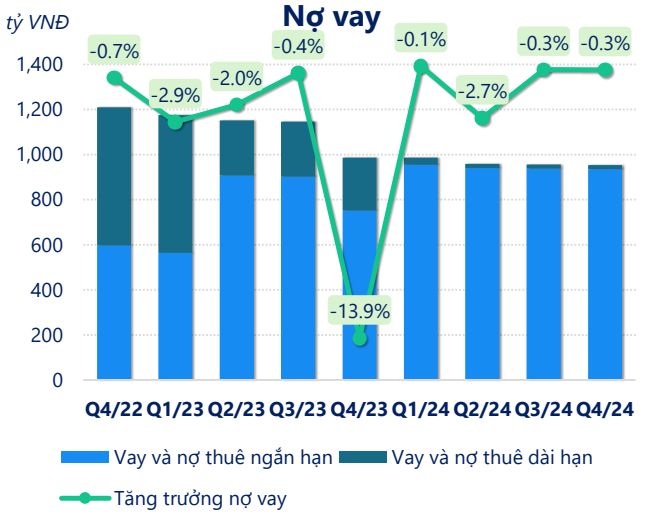

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

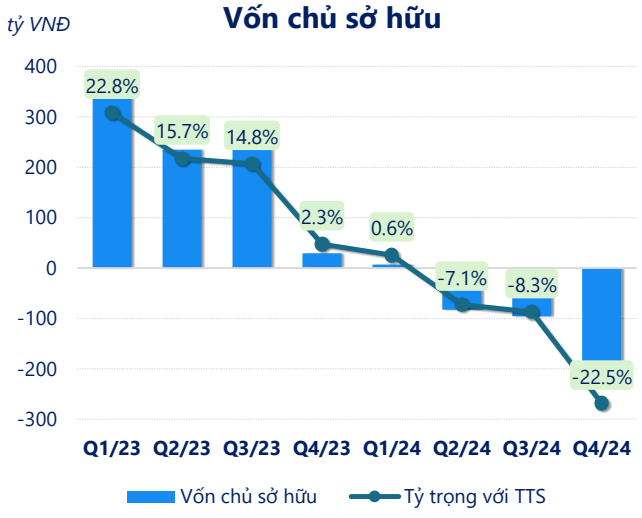

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

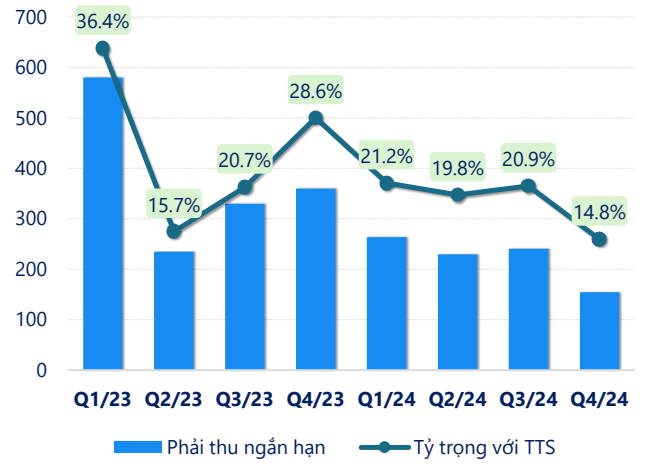

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

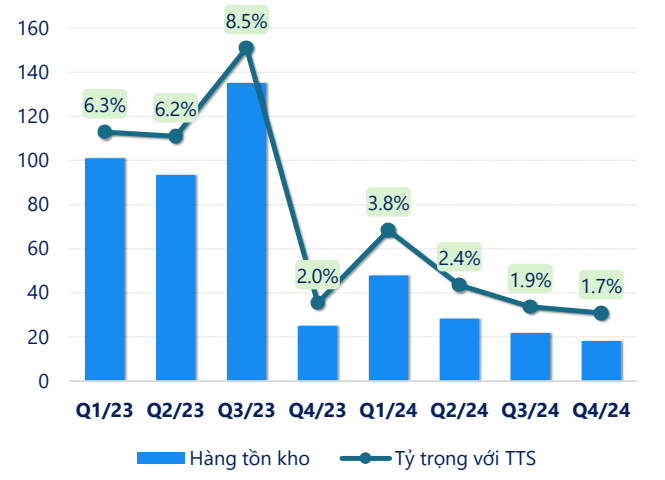

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

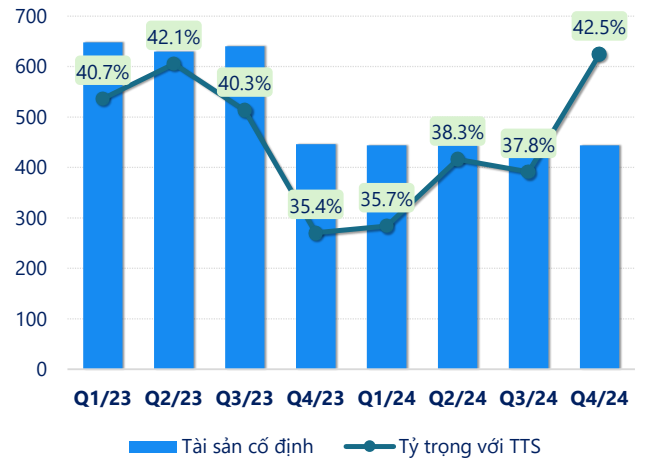

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

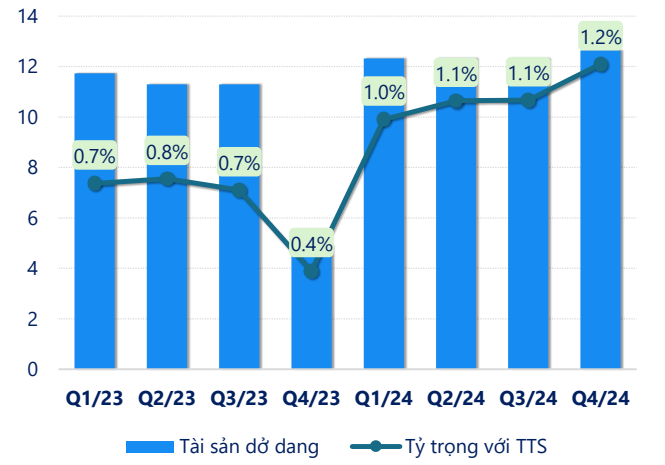

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

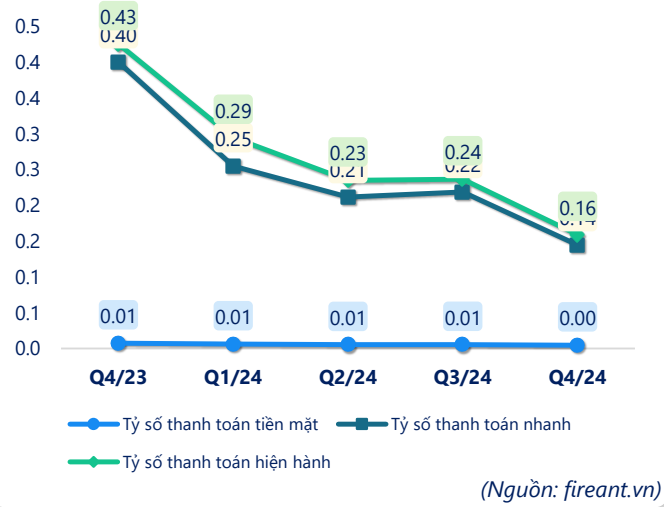

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

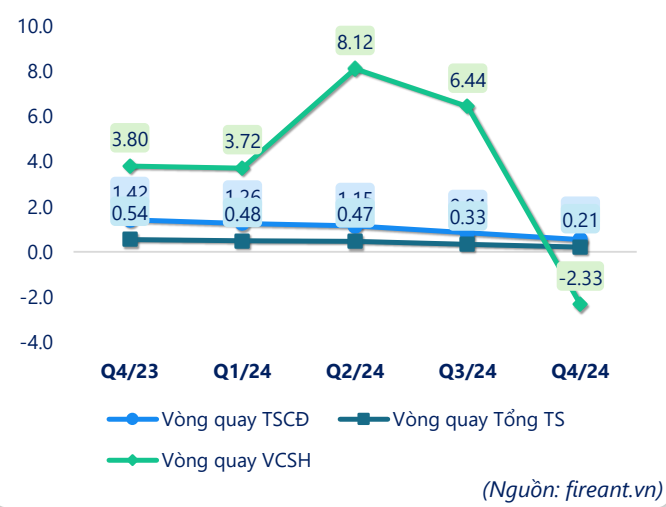

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,259**	**1,244**	**1,157**	**1,154**	**1,044**
Tài sản ngắn hạn	**423**	**355**	**286**	**291**	**200**
Tiền và tương đương tiền	7.36	7.42	6.33	6.54	5.72
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.83	13.6	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	360	264	230	241	155
Hàng tồn kho	25.1	47.8	28.3	21.8	18.1
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	22.1	22.1	21.8	21.6
Tài sản dài hạn	**837**	**889**	**870**	**864**	**844**
Phải thu dài hạn	179	216	216	216	215
Tài sản cố định	446	444	443	437	444
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.91	12.3	12.3	12.3	12.6
Đầu tư tài chính dài hạn	145	121	108	108	86.8
Tài sản dài hạn khác	5.40	4.76	4.81	4.40	4.05
Lợi thế thương mại	55.8	91.1	86.4	86.4	81.7
Nợ phải trả	**1,230**	**1,237**	**1,239**	**1,250**	**1,280**
Nợ ngắn hạn	**993**	**1,203**	**1,218**	**1,229**	**1,259**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	752	955	941	938	935
Phải trả người bán ngắn hạn	16.8	38.0	39.8	50.3	32.3
Nợ dài hạn	237	33.2	20.7	20.8	20.7
Vay và nợ thuê dài hạn	235	30.7	18.5	18.5	18.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**29.0**	**6.89**	**-82.3**	**-95.6**	**-235**
Vốn chủ sở hữu	**29.0**	**6.89**	**-82.3**	**-95.6**	**-235**
Vốn điều lệ	182	182	182	182	182
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)